

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2026/HS-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân: ông Phùng Văn Thông, bà Lê Thị Hòa

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên toà: ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2026/TLST - HS ngày 09 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Minh P, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1967

Nơi cư trú: thôn V, xã Y, tỉnh Phú Thọ; CCCD số 02606700251, cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L (đã chết) và bà: Phạm Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị B; có 02 con, lớn sinh 1991, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2026, đến ngày 03/4/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đại Ngọc T, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1969

Nơi cư trú: thôn V, xã Y, tỉnh Phú Thọ; CCCD số 026069004263, cấp ngày 03/6/2025; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đại Ngọc S (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Minh N1; có 03 con, lớn sinh 1996, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2026, đến ngày 03/4/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh P - là đại lý bán vé xổ số của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X theo hợp đồng đại lý xổ số số Y – Mã số đại lý 3123 ký kết vào ngày 01/4/2025. Do thấy bán số lô lợi nhuận cao hơn xổ số kiến thiết truyền thống; do việc bán vé số truyền thống thu nhập thấp, muốn kiếm thêm thu nhập nên Phòng nói chuyện với bạn là Đại Ngọc T là Phòng bán số lô trái phép, nếu T cần mua thì nhắn tin cho P, T đồng ý. Hai bên thống nhất với nhau về hình thức chơi và tỷ lệ ăn thua căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày, cụ thể như sau:

Số lô là số tự nhiên bất kỳ có 02 chữ số trong dãy số từ 00 đến 99 do T chọn. Mỗi một điểm lô thì Phòng bán cho T với giá 22.000đ. Nếu số lô T mua mà trùng với 02 số cuối của bất kỳ một giải thưởng nào (từ giải đặc biệt đến giải bảy) thì T sẽ thắng và được Phòng trả tiền thưởng theo tỷ lệ 01 điểm lô thì được 80.000đ. Trường hợp số lô T mua trùng với 02 số cuối của nhiều giải thưởng thì số tiền T được hưởng tương ứng nhân lên theo số lần trùng lặp như vậy nhưng không được hưởng quá 03 lần (kép 3). Ngược lại, nếu Trường T2 (tức là số lô T mua không trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải thưởng nào) thì P sẽ được hưởng số tiền mà T dùng để mua số lô đó.

Sau khi thỏa thuận cách thức chơi, tỷ lệ ăn thua như trên, P và T thống nhất sẽ sử dụng tin nhắn SMS để mua bán số lô trái phép với nhau.

Hồi 16 giờ 24 phút ngày 26/3/2026, do có nhu cầu mua số lô nên T sử dụng tài khoản số 109880342634 mở tại ngân hàng TMCP C (V) của T, chuyển khoản số tiền 6.600.000đ đến tài khoản số 2803281004378 ngân hàng N2 (A) của Phòng với mục đích để trả trước tiền mua 300 điểm lô. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71, màu đen, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0362.306.222 nhắn tin SMS đến số thuê bao 0967.401.076 của Phòng, cụ thể như sau:

- Tin nhắn 1: Hồi 16 giờ 25 phút, T nhắn tin với nội dung “ *Lô45.54 mc=100đ lô67.77mc=50đ*” ý T muốn mua của Phòng các số lô gồm: 45, 54 mỗi số với lượng 100 điểm; 67, 77 mỗi số với lượng 50 điểm. Tổng số điểm lô T đã mua của P là 300 điểm tương ứng với số tiền 6.600.000đ.

- Tin nhắn 2: Hồi 16 giờ 27 phút, T nhắn tin “*Nếu trúng tôi tôi lấy tiền mặt nhé*”. Ý T là sau khi đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng trong ngày, nếu T trúng thưởng thì P trả thưởng cho T bằng tiền mặt.

Hồi 16 giờ 32 phút cùng ngày, sau khi nhận được tin nhắn của T, P sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, bên trong lắp sim số thuê bao 0967.401.076 của mình nhắn tin cho T với nội dung “Ok” tức là P đồng ý bán cho T các số lô với lượng điểm như nêu trên và sẽ trả thưởng cho T bằng tiền mặt nếu T trúng thưởng.

Sau khi đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng trong ngày 26/3/2026 thì T không trúng thưởng số lô nào. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc giữa T và Phòng trong ngày 26/3/2026 là 6.600.000đ.

Ngày 31/3/2026, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc các đối tượng có hành vi mua bán số lô trái phép, Cơ quan điều tra Công an tỉnh P đã triệu tập, làm việc đối với Nguyễn Minh P và Đại Ngọc T để xác minh thông tin nêu trên. Quá trình làm việc Phòng và T thừa nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô trái phép qua tin nhắn SMS như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã lập biên bản sự việc và thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71, màu đen, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0362.306.222.

* Kết quả kiểm tra điện thoại:

Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động thu giữ của Đại Ngọc T, kết quả:

- Tại mục “Tin nhắn” có 01 cuộc hội thoại gồm 05 tin nhắn với số điện thoại 0967.401.076 được lưu trong danh bạ là “Ph B” trong ngày 26/3/2026.

- Kiểm tra các thư mục khác không phát hiện thông tin gì liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật.

- Kiểm tra các ứng dụng được cài đặt trên điện thoại:

- + Ứng dụng V: Hiện đang đăng nhập tài khoản ngân hàng số 109880342634 mang tên DAI NGOC TRUONG, trong đó có 01 giao dịch chuyển khoản đi số tiền 6.600.000đ vào hồi 16 giờ 24 phút ngày 26/3/2026.

- Kiểm tra các ứng dụng khác: Không phát hiện thông tin gì liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra T khai nhận: Chiếc điện thoại di động, sim điện thoại và tài khoản ngân hàng trên là của T. Số điện thoại 0967.401.076 lưu trong danh bạ là “Ph B” là của Nguyễn Minh P, sinh năm 1967, trú tại thôn V, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Các tin nhắn SMS nêu trên là các tin nhắn T mua số lô trái phép của Phòng vào ngày 26/3/2026; giao dịch chuyển khoản trên là tiền T trả trước cho Phòng khi mua các số lô.

* Giám định kỹ thuật số điện tử:

Ngày 08/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh P đã ra Quyết định trưng cầu giám định số A4154, trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh P giám định Kỹ thuật số điện tử đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71, màu đen, số IMEI 1: 353408118430535, IMEI 2: 353409118430533, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại có in hàng số 8984048000321820013 mang số thuê bao 0362.306.222 tạm giữ của Đại Ngọc T với nội dung: *Khôi phục, trích xuất, in ra bản ảnh toàn bộ dữ liệu tin nhắn SMS, tin nhắn ứng dụng zalo, messenger, telegram của tài khoản đăng nhập trên mẫu vật gửi giám định.*

Ngày 21/4/2026, Phòng K- Công an tỉnh P đã có Kết luận giám định số 2066, kết luận:

Tìm thấy 07 tin nhắn SMS; không tìm thấy tin nhắn ứng dụng Zalo, Facebook M, T1. Toàn bộ dữ liệu được in thành văn bản.

Kèm theo Kết luận giám định: 01 (một) phụ lục giám định gồm 02 (hai) trang A4 có chữ ký của giám định viên.

H lại đối tượng gửi giám định có đặc điểm tả trên cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P tại Phòng K - Công an tỉnh P.

Nghiên cứu kết luận giám định thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai, diễn biến hành vi phạm tội của các bị can và các tài liệu chứng cứ khác. Cơ quan điều tra đã thông báo nội dung của Bản kết luận giám định nêu trên cho Đại Ngọc T và Nguyễn Minh P biết đồng ý và không ai có ý kiến thắc mắc gì.

** Xác minh tại Công ty TNHH Một thành viên X:*

Ngày 01/4/2026, Cơ quan điều tra Công an tỉnh P đã làm việc với Công ty TNHH một thành viên X để xác định Nguyễn Minh P có phải là đại lý xổ số của Công ty không? Việc Phòng bán số lô theo tỷ lệ đã thống nhất với T (số lô với giá mỗi điểm lô là 22.000đ và được tính tỉ lệ trúng thưởng là 22.000đ ăn 80.000đ) có phù hợp với hình thức bán, trả thưởng của công ty đang hoạt động không? Quá trình làm việc Công ty TNHH MTV X cho biết: Nguyễn Minh P là đại lý theo hợp đồng xổ số số YL017/HĐ-ĐLXS – Mã số đại lý 3123 ký kết vào ngày 01/4/2025. Tuy nhiên, căn cứ theo Hợp đồng thì công ty không giao cho Phòng nhiệm vụ bán số lô theo cách thức và tỷ lệ nêu trên. Việc Phòng bán số lô như vậy là tự phát, không phù hợp với bất kỳ hình thức kinh doanh xổ số lô tô nào của công ty.

** Xác minh số điện thoại:*

Ngày 03/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Yêu cầu số A8032 gửi Cục B1, Tập đoàn C1 (V1) đề nghị cung cấp thông tin về chủ thuê bao của số thuê bao 0362.306.222 và số thuê bao 0967.401.076 cũng như toàn bộ thông tin tin nhắn SMS giữa 02 số thuê bao trên từ ngày 16/3/2026 đến ngày 26/3/2026.

Ngày 14/5/2026, V1 đã có tài liệu phúc đáp, theo đó xác định: chủ thuê bao số 0362.306.222 là Đại Ngọc T, chủ thuê bao số 0967.401.076 là Nguyễn Minh P và cung cấp thông tin tin nhắn SMS của 02 số thuê bao trên theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

** Xác minh tài khoản Ngân hàng:*

- Ngày 01/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã có Công văn số A2966, A2967 gửi Ngân hàng A- Chi nhánh Y1 và Ngân hàng V- Chi nhánh B2 đề nghị cung cấp:

+ *Thông tin về chủ tài khoản (Họ tên có dấu; ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ; số điện thoại; số C, ngày cấp; ngày mở tài khoản; chi nhánh mở tài khoản...) của tài khoản ngân hàng số 2803281004378.*

+ *Sao kê toàn bộ giao dịch của tài khoản trên với tài khoản 109880342634 trong ngày 26/3/2026.*

- Ngày 01/4/2026, Ngân hàng V đã có Công văn phúc đáp số 38 xác định chủ tài khoản số 109880342634 là Đại Ngọc T, đồng thời cung cấp sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

- Ngày 02/4/2026, Ngân hàng A đã có Công văn phúc đáp số 52 xác định, chủ tài khoản số 2803281004378 là Nguyễn Minh P, đồng thời cung cấp sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

* Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Minh P và Đại Ngọc T chỉ đánh bạc với nhau 01 lần trong ngày 26/3/2026, không đánh bạc thêm lần nào nữa, không có ai tham gia hay giúp sức, do đó hành vi của P và T không cấu thành tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự mà chỉ cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Xác minh tại địa phương thấy Nguyễn Minh P và Đại Ngọc T làm nghề lao động tự do, có thu nhập đủ để sinh hoạt hàng ngày, tiền đánh bạc thu lời bất chính không phải là nguồn thu nhập chính nên việc đánh bạc trái pháp luật như nêu trên không có tính chất chuyên nghiệp.

* Về vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, Đại Ngọc T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71, màu đen, số IMEI 1: 353408118430535, IMEI 2: 353409118430533, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại có in hàng số 8984048000321820013 mang số thuê bao 0362.306.222. Ngày 26/3/2026, T sử dụng chiếc điện thoại và sim thuê bao trên để nhắn tin mua số lô trái phép với Nguyễn Minh P nên cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy đối với sim thuê bao trên.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0967.401.076 Nguyễn Minh P sử dụng để nhắn tin bán số lô trái phép cho T vào ngày 26/3/2026. Quá trình điều tra, P khai nhận đã làm rơi mất chiếc điện thoại và sim điện thoại di động này vào sáng ngày 27/3/2026 nhưng không nhớ rơi tại địa điểm nào. Ngày 03/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Quyết định truy tìm vật số A4037 đối với chiếc điện thoại nêu trên nhưng chưa tìm được, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh truy tìm, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Ngày 06/4/2026, Nguyễn Minh P tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.600.000đ. Đây là tiền T trả cho P khi mua số lô trái phép ngày 26/3/2026 nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Cáo trạng số: 79/CT-VKSKV10 ngày 08 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ truy tố Nguyễn Minh P, Đại Ngọc T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh P, Đại Ngọc T phạm tội “Đánh bạc”

- Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Minh P, từ 08 tháng đến 11 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 16 tháng đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đại Ngọc T, từ 08 tháng đến 11 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 16 tháng đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung các bị cáo phạt từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

- Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng, truy thu số tiền phạm pháp của vụ án theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thừa nhận, ngày 26/3/2026, Nguyễn Minh P và Đại Ngọc T có hành vi mua bán số lô trái phép với nhau thông qua tin nhắn SMS, trong đó P sử dụng sim số thuê bao 0967.401.076, T sử dụng sim số thuê bao 0362.306.222 để liên hệ, mua bán trái phép số lô với nhau. Cụ thể P đã bán cho T các số lô 45, 54 mỗi số với lượng 100 điểm; 67, 77 mỗi số với lượng 50 điểm. Tổng số điểm lô T đã mua của P là 300 điểm tương ứng với số tiền 6.600.000đ (22.000đ/1 điểm lô) như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai của chính các bị cáo, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của người chứng kiến, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: các bị cáo Nguyễn Minh P và Đại Ngọc T phạm tội “Đánh bạc”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 điều 321 BLHS qui định: Tội đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ..”.

3. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải đưa ra xử lý trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo P, T: sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đều từng tham gia quan ngũ, phục vụ trong lực lượng Q. Nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội, đã tỏ ra ăn năn hối cải, nên cho các bị cáo hưởng án treo, giao cho chính quyền và công an địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung.

3. Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều có công việc, có thu nhập, đang trong độ tuổi lao động. Do vậy, cần phạt bổ sung các bị cáo một số tiền nhất định để sung ngân sách nhà nước.

4. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0967.401.076 Nguyễn Minh P sử dụng để nhắn tin bán số lô trái phép cho T vào ngày 26/3/2026. Quá trình điều tra, P khai nhận đã làm rơi mất chiếc điện thoại và sim điện thoại di động này vào sáng ngày 27/3/2026 nhưng không nhớ rơi tại địa điểm nào. Ngày 03/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Quyết định truy tìm vật số A4037 đối với chiếc điện thoại nêu trên nhưng chưa tìm được. Do vậy, HĐXX kiến nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cần tiếp tục xác minh truy tìm, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

5. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71, màu đen, bên trong lắp số thuê bao 0362.306.222 của Đại Ngọc T. Ngày 26/3/2026, T sử dụng điện thoại và sim thuê bao trên để nhắn tin mua số lô trái phép với Phòng nên cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy đối với sim thuê bao trên.

Đối với số tiền 6.600.000đ do Nguyễn Minh P giao nộp là tiền T trả cho Phòng khi mua số lô trái phép ngày 26/3/2026 nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh P, Đại Ngọc T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng: Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58, Điều 47; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với tất cả các bị cáo.

3. Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Minh P, 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đại Ngọc T, 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Giao các bị cáo Nguyễn Minh P, Đại Ngọc T cho UBND xã Y, tỉnh Phú Thọ giám sát; Công an xã Y, tỉnh Phú Thọ giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87, Điều 93 Luật thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 của Luật thi hành án hình sự.

5. Về hình phạt bổ sung:

Phạt các bị cáo: Nguyễn Minh P, Đại Ngọc T: Mỗi bị cáo phải chịu nộp số tiền 10.000.000 đồng, sung ngân sách nhà nước.

6. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, bán sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71, màu đen.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 6.600.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số điện thoại thuê bao 0362.306.222.

(tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Phú Thọ).

7. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Minh P, Đại Ngọc T: Mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Công an xã Yên Lạc;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công